

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2013/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 18 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về Quy định hành chính và hành vi hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên (gọi tắt là Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND) như sau:

1. Thay thế cụm từ "Văn phòng UBND tỉnh" bằng cụm từ "Sở Tư pháp" tại: Khoản 1, Điều 7; Khoản 1, Khoản 2, Điều 11; Khoản 3, Điều 13; Khoản 4, Điều 14; Điều 16.

2. Thay thế cụm từ "Chánh Văn phòng UBND tỉnh" bằng cụm từ "Giám đốc Sở Tư pháp" tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 11.

3. Thay thế cụm từ "Văn phòng Chính Phủ" bằng cụm từ "Bộ Tư pháp" tại Khoản 4 Điều 9.

4. Bỏ cụm từ "tại bước 3" của tiêu chí thứ nhất, đoạn 2, bước 1 và bỏ bước 3, Khoản 1 Điều 11.

5. Tiêu chí thứ 3, Đoạn 4, bước 1, Khoản 2, Điều 11 sửa lại là: Phản ánh, kiến nghị quy định tại Điều 4 của Quy chế này không thuộc thẩm quyền xử lý của Sở Tư pháp, phòng Kiểm soát thủ tục hành chính dự thảo văn bản trình Giám đốc Sở Tư pháp ký chuyển các cơ quan chức năng xử lý.

6. Thay số điện thoại 0230.3832 367 bằng số 02303 829 177 tại Khoản 1 Điều 7.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2011 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các Sở, Ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc thống kê công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (gọi tắt là Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND), như sau:

1. Sửa trích yếu nội dung Quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND lại là: "Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc thống kê, công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết".

2. Thay thế cụm từ "Văn phòng UBND tỉnh" bằng cụm từ "Sở Tư pháp" tại: Điều 1; Khoản 3, Điều 6; Điều 8; Điều 9.

3. Thay thế cụm từ "Chánh Văn phòng UBND tỉnh" bằng cụm từ "Giám đốc Sở Tư pháp" tại: Khoản 3, Điều 3; Điều 4; Khoản 2 Điều 6.

4. Bổ sung Khoản 4, Điều 4 của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND, cụ thể:

"Điều 4. Kiểm soát chất lượng thủ tục hành chính

4. Khi dự thảo Quyết định công bố TTHC hoàn chỉnh, Phòng kiểm soát thủ tục hành chính dự thảo Văn bản kiểm soát chất lượng thống kê thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ trình Giám đốc Sở Tư pháp ký Văn bản gửi cơ quan thống kê".

5. Điều 5 của Quy định được sửa đổi bổ sung như sau:

"Điều 5. Công bố thủ tục hành chính

1. Sau khi có văn bản kiểm soát chất lượng thống kê thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ của Sở Tư pháp, nếu dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính đã đáp ứng được quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành gửi văn bản kiểm soát chất lượng thủ tục hành chính của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trình công bố quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quyết định này trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố.

2. Thời hạn ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính:

a) Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

b) Trường hợp các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau thì thời hạn được tính là sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật cuối cùng quy định các bộ phận còn lại của thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

c) Đối với quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh thì cơ quan soạn thảo phải thực hiện việc thống kê, xây dựng dự thảo Quyết định công bố ngay từ khi trình dự thảo văn bản sang UBND tỉnh. Chậm nhất sau 2 ngày làm việc, kể từ ngày UBND tỉnh ký ban hành Quyết định có quy định thủ tục hành chính, cơ quan thống kê phải trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công bố thủ tục hành chính".

6. Khoản 1 Điều 6 của Quy định được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 6. Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định công bố thủ tục hành chính, Phòng kiểm soát thủ tục hành chính tạo mới hồ sơ văn bản và tạo mới hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm máy xén theo hướng dẫn của Cục kiểm soát thủ tục hành chính. Soạn thảo công văn trình Giám đốc Sở Tư pháp ký đề nghị Cục kiểm soát thủ tục hành chính công khai hoặc không công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (csdl.thutuchanhchinh.vn)".

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Kôi

